

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH THỪA THIÊN H.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 155/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Trần Văn M, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Nhà 26 Hẻm 15 Ngõ 69 Kì 131 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Chị Hồ Thị Ngọc Th, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Nhà 26 Hẻm 15 Ngõ 69 Kì 131 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 05 tháng, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phước Vĩnh, thành phố H ngày 15/3/2016. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh M và chị Th là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng luôn gây áp lực cho nhau. Anh M đi làm ăn xa nhà không có thời gian chăm sóc gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và nhạt nhẽo. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh M và chị Th cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Văn Gia Bảo, sinh ngày 02/11/2016 và Trần Văn Gia Phúc, sinh ngày 29/01/2019. Anh M, chị Th thỏa thuận giao cháu Bảo cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành; giao cháu Phúc cho

chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27/4/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th.

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Trần Văn Gia Bảo, sinh ngày 02/11/2016 cho anh Trần Văn M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành; Giao cháu Trần Văn Gia Phúc, sinh ngày 29/01/2019 cho chị Hồ Thị Ngọc Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th xác nhận vợ chồng chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Văn M và chị Hồ Thị Ngọc Th mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh M, chị Th đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003088 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND P.Phước Vĩnh, TP H;
- (ĐKKH ngày 15/3/2016);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh